

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 20-5-2024

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu;

Bà Nguyễn Ngọc Giao

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02/4/2024, về việc: “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 41/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Phước L, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Phú Lộc, xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Bà Lý Cẩm T (S), sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ E, ấp P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lý Cẩm T:** Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ số 52/1/8, tổ H, hẻm G, đường C, khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C1, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2024 (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử mặt)

Địa chỉ: Tổ F, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Lý Hồng D (C), sinh năm 1962 (Có đơn yêu cầu xét xử mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Lý Hoài A, sinh năm 1980 (Có đơn yêu cầu xét xử mặt)

Địa chỉ: Khóm Phú Hữu, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lý Cẩm T và bà Lý Hồng D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* *Nguyên đơn ông Phan Phước L trình bày:* Ông Phan Phước L và bà Lý Cẩm T (S) theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 95/2023/QĐCNTTLH ngày 08/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Theo đó, tài sản chung do các bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó bà T và ông L không thỏa thuận được về tài sản. Vì vậy, ông L yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4, ngang 3,5m, dài 17m, kết cấu xây gạch bê tông, mái tole, nền lót gạch men, gắn liền với đất diện tích 64m², thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông L, bà T. Ông L tạm tính giá trị nhà đất trị giá 700.000.000đồng, nếu ai nhận nhà và đất sẽ hoàn lại ½ giá trị cho người kia, ngoài tài sản này ra ông L, bà T không còn tài sản chung nào khác.

* *Bị đơn Lý Cẩm T (S) do ông Lê Hữu Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà T và ông L đã được Toà án huyện Phú Tân ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 95/2023/QĐCNTTLH ngày 08/03/2023, phần tài sản chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận nhưng không thỏa thuận được, bà T thống nhất phần trình bày của ông L về phần tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, ngang 3,5m dài 17m, kết cấu xây gạch bê tông, mái tole, nền lót gạch men, gắn liền với đất diện tích 64m², thuộc thửa

152, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông L, bà T.

Bà T thống nhất giá trị nhà đất trị giá 700.000.000 đồng, nếu ai nhận nhà và đất sẽ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho người kia, ngoài tài sản này ra ông L, bà T không còn tài sản chung nào khác. Bà Tiên đồng ý chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung với ông L nhưng yêu cầu ông L cùng bà trả hết số nợ chung của bà Lý Hồng D số tiền 150.000.000 đồng, vay tiền của bà D để mua đất cất nhà và trả tiền vật liệu xây dựng, trả tiền vay của bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 180.000.000 đồng vay tiền để mua vật tư xây nhà và trả nợ vay của nhiều người bên ngoài. Bà Tiên đồng ý bán căn nhà và đất của vợ chồng để trả hai khoản nợ nêu trên nếu thừa tiền thì chia hai người 50/50, nếu bán hết tài sản để trả hai khoản nợ trên còn thiếu thì vợ chồng cùng nhau chia ra trả hai khoản nợ trên. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H là người sống cùng xóm với ông L, bà T, ngày 09/11/2015 ông L, bà T có quyền sử dụng đất ở đô thị diện tích là 64m², tọa lạc tại khóm P, thị trấn C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234, thửa đất số 152, tờ bản đồ số 8 do Ủy ban huyện P cấp cho ông L, bà T, vợ chồng ông L đồng ý thế chấp đất cho bà H để vay số tiền 180.000.000 đồng, mục đích vay tiền bà H để trả nợ tiền mua vật tư xây nhà và trả nợ vay nhiều người bên ngoài, thời hạn vay là 05 năm, hết ngày 09/11/2020 là hết hạn, hai bên thoả thuận lãi là 0,83% tháng, ông L, bà T đã trả lãi từ khi vay ngày 09/11/2015 đến ngày 09/11/2019 thì ngưng không trả lãi, vốn cho bà H. Ngày 08/03/2023 vợ chồng ông L, bà T được Toà án ra quyết định thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 95/2023/QĐST-HNGĐ vợ chồng không tranh chấp tài sản chung, hiện tại nhà, đất ông L, bà T vẫn đang quản lý sử dụng. Ngày 29/5/2023 ông L tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là nền đất và căn nhà cấp 4, hiện nay ông L, bà T đã ly hôn xong nhưng còn nợ bà 180.000.000 đồng chưa trả. Nay yêu cầu ông L, bà T trả số tiền vay 180.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83% tháng bắt đầu từ ngày 09/12/2019 cho đến ngày xét xử, về hợp đồng cầm cố nhà chủ yếu để làm tin cho số tiền vay 180.000.000

đồng, hai bên không diễn ra việc cầm cố tài sản và thuê nhà gì, hiện tại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L, bà T đứng tên bà H đang giữ, không thể chấp vay tại Ngân hàng hay tổ chức tín dụng nào. Do, bà hiện tại đi làm xa xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời làm việc, hoà giải, công khai chứng cứ cho đến khi vụ án được xét xử xong.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hồng D (C) trình bày:* Bà D là chị ruột của bà T, là chị vợ của ông L, sau khi vợ chồng ông L, bà T kết hôn xong, không có nhà riêng và sống chung trong căn nhà cha mẹ ruột bà, trong căn nhà nhiều anh em và các cháu đang ở, bà thấy chật chội. Cặp ranh nhà cha mẹ bà D có phần đất ở của bà Đỗ Thị C kêu bà D bán diện tích chiều ngang: 3,5 mét, chiều dài: 17 mét, tổng diện tích là: 64m², giá 60.000.000 đồng, bà D thì thương em ruột và em rể không có nhà riêng để lo cuộc sống gia đình, nên bà D kêu em Lý Cẩm T mua đất của bà C để cất nhà vợ chồng ở, tiền thì bà D cho mượn không tính lãi, sau này vợ chồng làm có tiền trả cho bà từ từ. Ngày 20/5/2015 dl bà T hỏi vay bà 100.000.000 đồng để mua đất và cất nhà cấp 4. Ngày 25/7/2015 dl bà T không đủ tiền cất nhà nên hỏi bà vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng hai lần bà cho T vay (không lãi) là 150.000.000 đồng (việc mượn tiền mua đất, cất nhà ông L đều biết); việc bà cho bà T vay tiền để mua đất và cất nhà không làm giấy tờ, chỉ nói miệng do chị em ruột và tin tưởng lẫn nhau. Bà D đưa hai lần tiền đều có mặt vợ chồng ông L, bà T, đưa tại nhà cha mẹ của bà, bà là người trực tiếp thương lượng thỏa thuận, trả tiền mua nhà với bà Đỗ Thị C.

Ngày 08/3/2023, vợ chồng ông L, bà T được Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2023/QĐST-HNGĐ, vợ chồng không tranh chấp tài sản chung, căn nhà và đất hiện nay ông L, bà T còn đang quản lý sử dụng. Đến ngày 29/5/2023 ông L tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng ông L và bà T là đất nền nhà và căn nhà cấp 4, hiện nay vợ chồng ông L, bà T đã ly hôn xong nhưng còn nợ bà 150.000.000 đồng chưa trả. Nay, yêu cầu ông L, bà T cùng trả số nợ vay không lãi là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không có ý kiến và

yêu cầu gì khác. Do tuổi cao, sức khỏe kém đi lại khó khăn, thường xuyên đi điều trị tại bệnh viện Thành phố H xin được vắng mặt khi Toà án mời làm việc, phiên Toà xét xử cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Hoài A trình bày:* Ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp chia tài sản sau ly hôn giữa ông Phan Phước L và bà Lý Cẩm T (S1). Theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 14 tháng 9 năm 2023, thì tại các điểm 20, 5, A, 15 có diện tích 1,3m² thuộc thửa 189, diện tích đất tranh chấp giáp ranh ông Lý Hoài A. Việc tranh chấp tài sản giữa ông L và bà T như thế nào thì ông Lý Hoài A không có ý kiến, tùy Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần diện tích lấn qua đất do ông đang sử dụng, nếu Toà án giao căn nhà và đất đang tranh chấp cho ai thì ông sẽ thương lượng, thỏa thuận với người đó và sẽ khởi kiện trong vụ án dân sự khác nếu không thương lượng được. Hiện tại, ông đi làm xa thường xuyên không có ở nhà. Ông đã trình bày cho Toà án ý kiến và yêu cầu xin được vắng mặt trong các lần Toà án mời làm việc, công khai chứng cứ, hoà giải, đối chất cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước L đối với bà Lý Cẩm T (S) về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Ông Phan Phước L được sở hữu, sử dụng một căn nhà cấp 4, ngang 3,5m, dài 17m, kết cấu xây gạch bê tông, mái tole, nền lót gạch men, gắn liền với đất diện tích 64m², thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông L, bà T.

- Ông Phan Phước L hoàn lại giá trị chia tài sản chung cho bà Lý Cẩm T số tiền 350.000.000 đồng.

- Ông Phan Phước L và bà Lý Cẩm T có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sang tên.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Tuyết H

Buộc ông Phan Phước L, bà Lý Cẩm T liên đới trả cho bà H số tiền 254.251.800 đồng, trong đó vốn 180.000.000 đồng, lãi 74.251.800 đồng

Khi nào ông L, bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà H thì bà H trả lại ông L, bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234, ngày 21 tháng 07 năm 2015 do ông L, bà T đứng tên.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông L, bà T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Hồng D (Diêu)

Không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông Phan Phước L liên đới cùng với bà Lý Cẩm T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Buộc bà Lý Cẩm T có nghĩa vụ trả cho bà Lý Hồng D số tiền vốn vay còn nợ 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, bà T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/02/2024, bị đơn bà Lý Cẩm T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hồng D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu buộc ông Phan Phước L có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lý Cẩm T trả cho bà Lý Hồng D số tiền 150.000.000 đồng

* Tại phiên tòa:

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Lý Hoài A, bà Lý Hồng D (C) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

+ Ông Lê Hữu Đ đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lý Cẩm T trình bày về việc xét đối với khoản tiền nợ vay của bà Lý Hồng D do là chị em ruột trong gia đình không có làm biên nhận nhưng số tiền này bà T vay nhằm mua đất cất nhà nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Buộc ông L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cùng bà T số tiền 150.000.000 đồng cho bà D.

+ Ông Phan Phước L không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà T, bà D, thống nhất bản án sơ thẩm. Đề nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lý Cẩm T và bà Lý Hồng D; sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 41/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về phần nợ chung của bà Lý Hồng D. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lý Hồng D (C):

+ Buộc ông Phan Phước L, bà Lý Cẩm T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Hồng D số tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng.

+ Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Hồng D, bà Lý Cẩm T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Các phần khác của bản án hôn nhân sơ thẩm không sửa, đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Lý Cẩm T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hồng D kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hồng D (C) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/4/2024 xác định giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Lý Hoài A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lý Cẩm T và bà Lý Hồng D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Giữa ông L, bà T thống nhất tài sản chung vợ chồng chưa chia là 01 căn nhà cấp 4, ngang 3,5m dài 17m, kết cấu xây gạch bê tông, mái tole, nền lát gạch men, gắn liền với đất diện tích 64m², thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 8, đất ở nông

thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông L, bà T. Cả hai thống nhất giá trị nhà, đất là 700.000.000 đồng, không yêu cầu định giá, vì thế Hội đồng xét xử thống nhất giá tài sản đang tranh chấp là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình hoà giải và tại phiên Toà nguyên đơn, bị đơn thống nhất ngoài tài sản là nhà đất nêu trên cả hai không còn tài sản chung nào khác, bà Tiên đồng ý giao nhà, đất cho ông L quản lý, sử dụng và ông L đồng ý nhận nhà, đất cũng như đồng ý hoàn lại bà T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất 350.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa ông L, bà T là phù hợp

[2.2] Khoản nợ bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ông L, bà T liên đới trả cho bà số tiền vay còn nợ 180.000.000 đồng và tiền lãi 0,83% tháng bắt đầu từ ngày 09/12/2019 cho đến ngày xét xử, ông L, bà T thừa nhận chữ ký tên, ghi họ và tên trong tờ hợp đồng cầm cố tài sản ngày 09/11/2015 ông L, bà T xác định có nợ tại Hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông L, bà T vi phạm nghĩa vụ trả lại số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 09/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/01/2024. Tổng cộng 254.251.800 đồng ông L, bà T liên đới trả cho bà H (trong đó tiền vốn 180.000.000 đồng; tiền lãi 74.251.800 đồng)

Đối với việc chia tài sản chung giữa ông L, bà T thống nhất chia và nhận giá trị tài sản chung, về nợ của bà Nguyễn Thị Tuyết H các đương sự không kháng cáo nên có hiệu lực

[2.3] Bà Lý Cẩm T, bà Lý Hồng D kháng cáo yêu cầu ông Phan Phước L phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả nợ cho bà D số tiền 150.000.000 đồng, bà D cho mượn để mua đất, cất nhà. Ông L xác định đối với số tiền 150.000.000 đồng ông không có vay tiền của bà D nên không đồng ý có trách nhiệm liên đới trả tiền cho bà D. Cấp sơ thẩm nhận định việc ông L không có thỏa thuận vay tiền của bà D nên chỉ buộc bà T chịu trách nhiệm trả tiền.

[2.4] Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ lời khai bà Đỗ Thị C, ông Nguyễn Văn T1 trình bày, trước đây ông, bà có phần đất cập ranh nhà của cha mẹ bà T, do không có nhu cầu sử dụng nên kêu bán với giá 60.000.000 đồng, khi thỏa thuận mua bán, trả tiền là bà D, nguồn tiền mua đất từ đâu mà có thì bà C, ông T1 không rõ, ông bà từ trước đến nay chưa từng gặp, nói chuyện với ông Phan Phước L lần nào, ông bà đã giao đất cho bà T, việc ai được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà không rõ, ông, bà là người trực tiếp thương lượng mua bán đất với bà D, bà T nhưng không biết giấy tay mua bán ghi tên bà T.

[2.5] Tại phiên tòa, ông L xác định đối với tiền mua đất, việc mua vật liệu xây dựng căn nhà là tài sản chung thì nguồn tiền từ đâu bà T có để mua đất cất nhà thì ông không biết, ông L cho rằng chỉ biết việc mua đất, cất nhà có từ 01 lượng vàng cưới cũng như chỉ có vay tiền của bà H, còn đối với việc vay tiền của bà D thì ông L không có ký tên nên không đồng ý cùng chịu trách nhiệm với bà T trả nợ vay cho bà D.

[2.6] Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với nguồn thu và các khoản đóng góp trực tiếp vào nhà đất thì ông L không rõ, bà T vay mượn tiền chỉ cá nhân nhưng các khoản nợ vay này nhằm hình thành được tài sản chung diện tích đất 64m², thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông L, bà T mà hiện nay ông L, bà T thống nhất xác định nhà đất là 700.000.000 đồng để yêu cầu chia tài sản chung nên các khoản tiền nợ của bà D được xác định đây là nợ chung nhưng cấp sơ thẩm buộc bà T có trách nhiệm trả nợ cho bà D mà không buộc ông L cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là chưa phù hợp.

[2.7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T, bà D, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 41/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa một phần của án sơ thẩm đối với nợ của bà Lý Hồng D là nợ chung buộc ông L, bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả 150.000.000 đồng cho bà D

[3] Về án phí phúc thẩm: Do, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của bà T, bà D nên theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà T, bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Cẩm T và bà Lý Hồng D (C) về việc buộc ông Phan Phước L có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lý Cẩm T trả cho bà Lý Hồng D số tiền 150.000.000 đồng

- Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 41/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về buộc trách nhiệm liên đới ông L, bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ chung cho bà Lý Hồng D (C)

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 33, khoản 4 Điều 37, Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước L đối với bà Lý Cẩm T (S) về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Ông Phan Phước L được sở hữu, sử dụng một căn nhà cấp 4, ngang 3,5m dài 17m, kết cấu xây gạch bê tông, mái tole, nền lót gạch men, gắn liền với đất diện tích 64m², thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông L, bà T.

Ông Phan Phước L hoàn lại giá trị chia tài sản chung cho bà Lý Cẩm T số tiền 350.000.000 đồng.

Ông Phan Phước L và bà Lý Cẩm T có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sang tên.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Tuyết H:

Buộc ông Phan Phước L, bà Lý Cẩm T liên đới trả cho bà H số tiền 254.251.800 đồng, trong đó tiền vốn vay 180.000.000 đồng, tiền lãi 74.251.800 đồng.

Khi nào ông L, bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà H thì bà H trả lại ông L, bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04234 ngày 21 tháng 07 năm 2015 do ông L, bà T đứng tên.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lý Hồng D (C):

Buộc bà Lý Cẩm T và ông Phan Phước L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Hồng D số tiền vốn vay còn nợ 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc 2.550.000 đồng, ông L đã tạm ứng. Bà Lý Cẩm T có trách nhiệm hoàn trả tiền chi phí tố tụng cho ông L là 1.275.250 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Phan Phước L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 27.606.295 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0006181 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân. Sau khi khấu trừ ông L còn phải nộp thêm số tiền 18.856.295 đồng.

Bà Lý Cẩm T phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 27.606.295 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006669 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Bà Lý Hồng D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

4.2. Án phí phúc thẩm:

Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006618 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bà Lý Hồng D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Phú Tân;
- Chi cục THA-DS huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thúy

